TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ LÁCH** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 193/2022/HN-ST
Ngày: 08-08-2022
V/v: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ LÁCH, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Chí Hậu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thị Thúy Bắc;

2. Ông Trần Hữu Nghị;

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre *tham gia phiên tòa:* Bà Huỳnh T Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 08 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 123/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 05 năm 2022, về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 01 tháng 07 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đặng Thế N, sinh năm 1980; Nơi cư trú: khu phố M, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1977; Nơi cư trú: ấp V, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06/4/2022, văn bản trình bày ý kiến ngày 25/05/2022, đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải và giải quyết vắng mặt, nguyên đơn bà Đặng Thế N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Văn T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Thành, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre ngày 03/06/2010. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng thời gian đầu cũng

hạnh phúc Nng đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông T không có trách nhiệm với gia đình và vợ, con; vợ chồng không có tiếng nói chung nên cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Hiện bà và ông T đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T, bà không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Đặng Nam A, sinh ngày 30/07/2011 và Nguyễn Đặng Tuệ M, sinh ngày 11/8/2013 hiện đang sống chung với bà. Sau khi ly hôn, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi hai con chung, yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng (1.000.000 đồng/con) cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 28/6/2022, bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Khoảng năm 2018 mẹ vợ ông bị bệnh nặng, đến năm 2019 thì mất. Bà N có ý trách ông không chăm sóc cho mẹ vợ chứ thật ra giữa ông và bà N cũng không có mâu thuẫn gì lớn. Khi biết được bà N làm đơn yêu cầu xin ly hôn, ông cũng đã nhiều lần trao đổi, hàn gắn tình cảm vợ chồng Nng không thành, ông có đề nghị nếu vợ chồng không còn tình cảm thì cũng phải nghỉ đến các con, có thể sống ly thân, cùng nhau lo cho các con, khi nào bà N có tình cảm với người khác thì ông sẽ ký đơn ly hôn để giải thoát cho bà N.

* Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

+ Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Đặng Thế N đối với ông Nguyễn Văn T. Ghi nhận bà N không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn.

+ Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con chung của bà N. Buộc ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con cho bà N mỗi tháng 2.000.000 đồng (1.000.000 đồng/con) cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

+Về tài sản chung: Bà N khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

+ Về nợ chung: Bà N khai không có nên không xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn bà Đặng Thế N có yêu cầu xét xử vắng mặt tại phiên tòa; đồng thời có đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên vụ án không tiến hành hòa giải được; còn ông Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai Nng ông T vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào các Điều 207, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà N, ông T là phù hợp.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" được Tòa án xem xét giải quyết theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Đặng Thế N và ông Nguyễn Văn T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Thành, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre ngày 03/06/2010 và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Theo bà N, nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do ông T không có trách nhiệm với vợ, con; vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiến nói chung nên cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Nay bà N xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với ông T.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà N và ông T thực tế là có xảy ra và giữa hai người đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Với khoảng thời gian trên cũng đủ cho ông, bà suy nghĩ lại tình cảm vợ chồng Thế Nng cả hai cũng không tìm cho mình một biện pháp nào để khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn lại tình cảm vợ chồng. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã tiến hành thông báo cho ông T đến tham hòa giải nhằm hàn gắn lại tình cảm vợ chồng Nng ông T không đến và tại phiên tòa ông T tiếp tục vắng mặt, còn bà N thì yêu cầu không tiến hành hòa giải và yêu cầu được ly hôn với ông T. Điều đó cho thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa bà N và ông T là đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, ly hôn là biện pháp tốt nhất nhằm đem lại tự do cho cả hai. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N đối với ông T là phù hợp theo quy định tại các Điều 51 và 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Về con chung và việc cấp dưỡng nuôi con: Quá trình chung sống, bà N và ông T có 02 con chung tên Nguyễn Đặng Nam A, sinh ngày 30/07/2011 và Nguyễn Đặng Tuệ M, sinh ngày 11/8/2013 hiện đang sống chung với bà N. Sau khi ly hôn, bà N có yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi hai con chung, yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hai con chung tròn 18 tuổi. Xét thấy, yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con chung của bà N là chính đáng, bản thân bà N cũng có công việc và thu nhập ổn định để nuôi con; đồng thời phù hợp với nguện vọng của hai con chung và quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình nên được xem xét chấp nhận. Đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của bà N với mức cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000 đồng (1.000.000 đồng/con) là phù hợp nên được xem xét chấp nhận.

- Về tài sản chung: Bà N khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về nợ chung: Bà N khai không có nên không xét đến.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp và có căn cứ nên được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bà N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng; ông T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 147, 207, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 107, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1/. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Đặng Thế N đối với ông Nguyễn Văn T. Cụ thể tuyên:

Bà Đặng Thế N được ly hôn với ông Nguyễn Văn T. Ghi nhận bà N không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

2/. Về con chung và việc cấp dưỡng nuôi con: Bà Đặng Thế N được quyền trực tiếp nuôi hai con chung tên Nguyễn Đặng Nam A, sinh ngày 30/07/2011 và Nguyễn Đặng Tuệ M, sinh ngày 11/8/2013 (phù hợp với nguyện vọng của hai con chung). Ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung cho bà N mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng) kể từ tháng 8/2022 cho đến khi cháu Nguyễn Đặng Nam A và Nguyễn Đặng Tuệ M tròn 18 tuổi.

Ông Nguyễn Văn T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Trong trường hợp ông T lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì bà N có quyền yêu cầu Tòa án quyết định hạn chế quyền thăm nom con của ông T.

Vì lợi ích của con chung sau này, theo yêu cầu của bà N, ông T hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3/- Về tài sản chung: Bà N khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4/- Về nợ chung: Bà N khai không có nên không xét đến.

5/. Về án phí: Bà Đặng Thế N phải chịu là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm Nng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà N đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006879 ngày 09/05/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre. Bà N đã nộp đủ án phí.

Ông Nguyễn Văn T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

6/. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND huyện Chợ Lách;*
- *Chi cục T.H.A DS huyện Chợ Lách;*
- *Cơ quan đăng ký kết hôn;*
- *Lưu HSVA+VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

ĐÃ KÝ

Lê Chí Hậu